

Họ và tên: Lớp:

TOÁN 5 – BÀI 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

- a) $5000\text{m} = \dots\text{km}$ b) $10\text{cm} = \dots\text{dm}$ c) $40\text{mm} = \dots\text{cm}$ d) $20\text{dm} = \dots\text{m}$

Bài 2. Tại khu vực sinh hoạt chung, bức tranh cánh đồng có diện tích $1\text{m}^2 60\text{dm}^2$; bức tranh dòng sông có diện tích $5,82\text{m}^2$. Bức tranh nào có diện tích bé hơn? Trình bày cách đổi đơn vị và so sánh.

Trình bày lời giải và nêu đối tượng có diện tích đúng theo yêu cầu.

Bài giải

Bài 3. Trong buổi trang trí lớp học, nhóm của Nam chuẩn bị ba tấm thảm nhỏ. diện tích của tấm thảm sọc xanh là 113cm^2 ; diện tích của tấm thảm sọc vàng là $2\text{dm}^2 32\text{cm}^2$; diện tích của tấm thảm sọc nâu là $1,05\text{dm}^2$. Biết $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$.

Em hãy xác định tấm thảm có diện tích bé nhất và trình bày cách đổi các số đo về cùng đơn vị dm^2 .

Bài giải

Bài 4. Nối mỗi số đo diện tích với giá trị bằng nó khi viết dưới dạng số thập phân theo đơn vị dm^2 .

144 cm^2

5 dm^2 40 cm^2

9 dm^2 92 cm^2

749 cm^2

552 cm^2

5,52 dm^2

9,92 dm^2

7,49 dm^2

5,4 dm^2

1,44 dm^2

Bài 5. Sắp xếp các số đo độ dài sau theo thứ tự từ lớn đến bé.

a) Các số đo: 1m83cm4mm; 6m5cm3mm; 9m26cm3mm; 6m67cm7mm. Điền dãy theo thứ tự từ lớn đến bé:

b) Các số đo: 2m16cm1mm; 5m79cm4mm; 3m54cm1mm; 6m87cm9mm. Điền dãy theo thứ tự từ lớn đến bé:

c) Các số đo: 3m5cm8mm; 6m33cm7mm; 1m43cm2mm; 8m81cm5mm. Điền dãy theo thứ tự từ lớn đến bé:

d) Các số đo: 9m14cm3mm; 3m91cm9mm; 4m38cm8mm; 2m19cm2mm. Điền dãy theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 6. Viết các số đo khối lượng sau dưới dạng hỗn hợp thích hợp.

a) 554kg = tạ kg b) 6551kg = tấn kg

c) 3487kg = tấn kg d) 28kg = yến kg

Bài 7. Đổi các số đo sau sang đơn vị được yêu cầu.

a) 8kg =g

b) 3dm2cm =dm

c) 6000ml =l

d) 5km728m =m

Bài 8. Tìm số thập phân thích hợp.

a) 1 Tấn 4 tạ = tấn

b) 9 Tấn 2 tạ = tấn

c) 8 Tấn 3 tạ = ...

..... tấn d) 9 Tấn 4 tạ = tấn

Bài 9. Tìm số thập phân thích hợp.

a) 9m9dm = m

b) 3m29cm = m

c) 6m286mm = m

d) 2m8dm = m

e) 8m658mm = m

f) 7m77cm = m

g) 8m3dm = m

h) 2m6cm = m

Bài 10. Tìm số thập phân thích hợp.

a) 7 Tạ 5 yến = tạ

b) 6 Tạ 9 yến = tạ

c) 2 Tạ 6 yến =

..... tạ d) 7 Tạ 4 yến = tạ

Bài 11. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ trống.

a) 4 Tấn 44 kg = tấn

b) 6 Tấn 804 kg = tấn

c) 1 Tấn 59 kg = tấn

d) 8 Tấn 907 kg = tấn

Bài 12. Ở một trang trại nhỏ, bác Minh cân một số con vật quen thuộc: con thỏ nặng 2223g, con gà nặng 2,105kg, còn con gấu bông nặng 2kg189g.

Con vật nào nặng nhất?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....